TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Thêm văn bản chép tay về thơ văn chữ Hán núi Non Nước

ISSN: 2734-9195 09:05 18/11/2025

Văn bản này mặc dù còn có những chỗ chép thiếu, chép chữ giản thể, không chép theo nguyên gốc. Tuy vậy, đây cũng là một văn bản có thể giúp cho người đọc có cái nhìn mới về cách người xưa đọc áng văn cổ.

Tác giả: **Vũ Ngọc Định - Phạm Ngọc Phương Thủy - Ts Nguyễn Huy Khuyến**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 11/2025

Tóm tắt: *Di văn Hán Nôm trên núi Non Nước đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước dày công giải mã. Nhiều hội nghị hội thảo, các nghiên cứu tập trung đánh giá, giải mã văn bản Hán Nôm từ thác bản, hoặc công phu thì đọc trực tiếp trên thực địa. Do di sản Hán Nôm ở núi Non Nước ngoài các thác bản được in trực tiếp từ ma nhai ra còn có những văn bản chép tay. Qua quá trình sưu tầm tư liệu liên quan đến núi Non Nước, chúng tôi bắt gặp một tài liệu hiện đang lưu tại chùa Hòe Nhai, Hà Nội một bản tư liệu chép tay bài "Dục Thúy sơn linh tế tháp ký", "Ngự chế đề Dục Thúy sơn tịnh dẫn", "Trương Tiên Sinh đề". 9 trang chép tay, không ghi niên đại chép, không ghi người chép. Văn bản được chép trên giấy dó, đóng bìa, khâu chỉ theo lối truyền thống. Nhằm bổ sung thêm nguồn tư liệu về di văn Hán Nôm trên núi Dục Thúy, chúng tôi xin được giới thiệu văn bản này.*

Từ khóa: Dục Thúy sơn, văn bản chép tay; Dục Thúy sơn linh tế tháp ký, Ngự chế đề Dục Thúy sơn tịnh dẫn, Trương Tiên Sinh.



Chùa Non Nước, Ninh Bình - Ảnh: Sưu tầm

1. Mở đầu

Núi Non Nước (có các tên gọi khác là Dục Thúy sơn, Núi Thúy,...), là ngọn núi nhỏ nằm ở ngã ba sông Vân và sông Đáy, thuộc địa bàn tỉnh Ninh Bình. Nơi đây cảnh trí non nước hữu tình, bao trùm dáng vẻ linh thiêng, kỳ vĩ, trở thành điểm dừng chân thưởng ngoạn của biết bao tao nhân mặc khách. Tiếng lành đồn xa, cứ như vậy mà trải qua các triều đại từ thời Trần triều Nguyễn nhiều bài thơ, văn đã được sáng tác và khắc trên ngọn núi này. Không chỉ các thi nhân tức cảnh sinh tình, ngay đến cả các vua như Trần Minh Tông, Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông, Lê Tương Dực, Hoàng đế Thiệu Trị cũng có thơ khắc trên núi này. Các nho sĩ như Phạm Sư Mạnh, Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhiệm, Thiệu Trị hay Nguyễn Tư Giản... cùng các tác giả văn học tiêu biểu quê Ninh Bình được ghi lại trong văn bia như: Trương Hán Siêu, Ninh Tốn, Vũ Phạm Khải, Vũ Duy Thanh... đều có thơ văn lưu dấu tích.

2. Tình hình văn bản

Văn bản này được viết trên giấy dó, lưu tại chùa Hòe Nhai (Hồng Phúc tự) Hà Nội. Khảo sát văn bản thấy có chép các bài Ngự chế đề Dục Thúy sơn tịnh dẫn, Trương Tiên Sinh đề. Đây là các bài thơ, văn vốn được khắc trên núi Non Nước tỉnh Ninh Bình. Tổng số văn bản có 9 trang, mỗi trang chép 6-7 dòng, chữ viết chân phương dễ đọc.

Văn bản không ghi người chép, không ghi niên đại qua thời gian giấy dó đã ngả màu, ước đoán niên đại chép cuối thời Lê đầu thời Nguyễn.

2.1 Dục Thúy sơn Linh Tế tháp ký

Qua đối chiếu thác bản và bản chép tay, chúng tôi nhận thấy có một số vấn đề như sau:

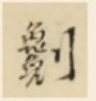
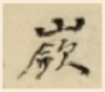
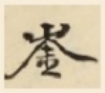
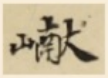
- Bản chép tay có dùng nhiều chữ giản thể để chép lại, nhằm tiết kiệm thời gian chép, về mặt ý nghĩa của chữ không có sai lệch so với chữ nguyên tác trên bia ma nhai.

- Văn bản chép tay có chép thiếu hai đoạn ngắn so với trên văn bia ma nhai, có dẫn trong bảng bên dưới.

- Đáng chú ý khi bản chép tay đã thay hẳn chữ Nguyễn 阮 bằng chữ Lý 李 trong câu 李朝廣祐七 年辛未所建也. Bởi chữ Nguyễn 阮 trong văn bia ma nhai là để tị húy chữ Lý.

STT	Chữ chế bản	Chữ trên văn bia	Chữ trên bản chép tay
1	李	阮[1]	李
2	旧	旧	舊
3	辰	辰	時
4	辰	辰	時
5	鼓惑眾生	鼓惑眾生	Chép thiếu
6	廢絕彝倫, 虛費財寶	廢絕彝倫, 虛費財寶	Chép thiếu
7	奸	姦	奸
8	慨	嘅	慨
9	旧	舊	旧
10	予	余	予
11	奸	姦	奸
12	伽	茄	伽

Văn bản có thêm mục bị khảo các chữ khó được chú âm đọc, giải thích ý nghĩa. Tổng có 11 chữ khó được chú âm nghĩa. Từ đó giúp cho người đọc dễ dàng tra cứu âm nghĩa các chữ khó này.

STT	Chữ được chú âm đọc	Chữ trên văn bia	Chữ trên bản chép tay	Chú âm đọc và nghĩa của chữ
1	剝			角切, 音博,裂割也 (Giác thiết, âm là bác, nghĩa là cắt, bóc, xé ra)
2	訇			宏切, 音轟, 震動声 (Hoành thiết, âm oanh, nghĩa là âm thanh lớn, chấn động)
3	磕			蓋切, 音嘅, 石声雷鼓天地 (cái thiết, âm khái, âm thanh của đá, tiếng soang soảng, như trống như sét vang cả trời đất)
4	劖			咸切, 音嶄 鑿也 (hàm thiết, âm sàm, núi cao)
5	蚩			音充,敦厚貌, 氓之蚩蚩 (âm sung, tướng mạo đôn hậu, một gã ngơ ngáo không biết gì)
6	衲			答切,音納,僧衣曰衲 (đáp thiết, âm nạp, áo của Tăng gọi là nạp)
7	嶔			音欽, 山勢 聳立貌 (âm khâm, thế núi, dáng đứng cao vút)
8	崟			音吟,山高, 險者曰崟 (âm ngâm, núi cao, nơi hiểm trở gọi là ngâm)
9	礎			略切, 音研也, 一曰碎石 (lược thiết, âm nghiên, một gọi là đá vụn, đá nhỏ)
10	巘			蹇切, 山峰也 (kiển thiết, núi cao)
11	剎			鎩切, 戛切 音博或音殺,僧寺也, 殺佛塔也 (hạt thiết, kiết thiết, âm bác hoặc âm sáu, chùa, tăng vậy, tháp chùa Phật)

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN VÀ BẢN DỊCH VIẾT TAY

浴翠山靈濟塔記

NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN

吾鄉多勝境□ 少時遊覽□ 足跡殆遍□ 嘗捨舟 登此山□ 拊其崖碑□ 剝苔認讀則知故塔乃李 (2) 朝　廣祐七年辛未所建也□ 及陟嶔崟上嶒巔□ 但見　殘甎廢址委翳于幽叢亂石間□ 不覺愀然長慨□　何興亡成敗纔二百數十餘年遂成陳迹□ 將從而　磨滅耶□ 又有作者否耶□ 自有宇宙便有此山□　登臨而同盡者□　不知其幾也□　余後客四方□ 仕宦于朝□ 備位台省□ 天崖旧隱□ 辰復夢中遊 耳□

Thêm văn bản chép tay về thơ văn chữ Hán núi Non Nước
https://tapchinghiencuuphathoc.vn/them-van-ban-chep-tay-ve-tho-van-chu-han-nui-non-nuoc.html

今上即位之二年冬,余在京師山僧智柔踵門告 曰□ 重建寶塔越自開祐丁丑□ 歲臘六周□ 今畢工矣□ 願公記之□ 巍巍功德不可思議□ 所有 報應□ 亦復如是□ 初占時, 僧德父夢千餘人集山 巔□ 其中三貴相貌殊異□ 語眾曰□ 汝等當知 造塔是拯三塗勝□ 事及下手日□ 僧德淵又夢竹 林普慧尊者結印安鎮□ 又僧德淨德明前後砌塔 門路□ 推落大石□ 命與石俱????礒數仞而下□ 觀 者駭散□ 以為粉碎且盡□ 及到地□ 扶起無損傷 處□ 塔成四層□ 夜放光明□ 遠近咸賭□ 凡此類 者無非我佛神通力也□

且柔聞之□ 昔阿育王役鬼神造八萬四千塔□ 瞻禮者如親見佛□ 杖頭刻塔亦弭妖氛□ 跨海浮圖□ 俄隨霧隱□ 事非怪誕□ 今古同符□ 請巉于 石傳信來世□ 永托伽籃境界□ 用為含識津梁□ 無乃不可乎□

余謂釋迦老子以三空證道□ 滅後末辰□ 少 奉佛教□ 天下五分□ [] (3) 僧剎居其一□ [](4) 魚魚 而遊□ 蚩蚩而從□ 其不化為妖鬼奸軌者幾希□ 彼其所為惡□ 惡可□ 雖然師乃普慧侍者□ 深得 竹林法髓□ 律身苦行□ 有蔑篾三條□ 直張空拳 成大手段□ 念其????雲根□ 累卷石□ 由寸而尺□ 尺而仞□ 一步進一步□ 一重高一重□ 以至屼然 特立□ 勢倚穹蒼□ 增關河之壯觀□ 與造物而論 功□ 豈滔滔閑衲可同日語也□

噫□ 後此者又幾百年□ 俯仰变滅□ 重有發 予長慨□ 寧無柔等輩人□ 何可必也□ 若夫翠獻滄波□ 江空塔影□ 日暮扁舟飄然□ 其下推蓬傲 睨□ 戛船舷而歌滄浪□ 遡子陵一絲之清風□ 訪 陶朱五湖之旧約□ 此景此懷□ 惟予與此江山知 之□

紹豊三年癸未夏□ 入內行遣左司侍郎兼諒州路經略使遜叟張漢 超升甫記□

守籍書火勇首范頷書□

DỊCH NGHĨA

Bài ký trên tháp Linh Tế ở núi Dục Thúy

Quê ta nhiều cảnh đẹp, thuở nhỏ đi xem khắp, dấu chân in khắp nơi. Từng bỏ thuyền mà trèo lên núi này, đến gần tấm bia bên vách núi, bóc rêu lần đọc, thì biết đây vốn là ngôi tháp cũ được xây dựng năm Tân Mùi, niên hiệu Quảng Hựu thứ 7 (1091) triều Lý (5). Đến khi trèo lên tận đỉnh núi cao, chỉ thấy ngói vỡ nền hoang bị che lấp trong đám cây rậm rạp và đá ngổn ngang. Bất giác buồn bã mà than rằng: “Cớ sao sự hưng vong thành bại mới trải hơn 200 năm đã trở thành dấu vết cũ, cùng theo nhau mà mai một cả ư? Liệu có người xây dựng lại chăng? Từ khi có trời đất vốn đã có núi này, những người từng lên núi nay đã vắng bóng cả, không biết đã có bao người vậy. Ta về sau ta làm khách bốn phương, rồi làm quan trong triều, nhận chức nơi đài sảnh (6), [sau lại] ẩn dật nơi chân trời, chỉ trở về thăm trong giấc mộng mà thôi”.

Nay mùa đông năm thứ 2 (7) kể từ Hoàng thượng nối ngôi, ta đang ở kinh thành thì có vị sơn tăng Trí Nhu (8) đến tận cửa mà nói rằng: “Việc xây dựng lại tháp

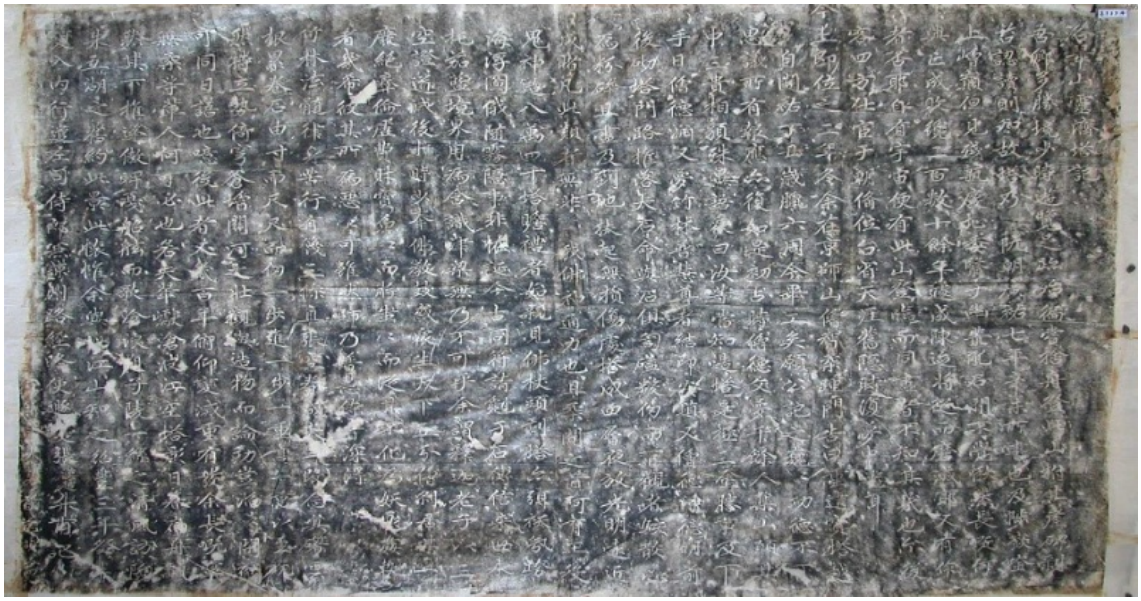
Thêm văn bản chép tay về thơ văn chữ Hán núi Non Nước
https://tapchinghiencuuphathoc.vn/them-van-ban-chep-tay-ve-tho-van-chu-han-nui-non-nuoc.html

báu đã bắt đầu từ năm Đinh Sửu niên hiệu Khai Hựu (9), trải qua sáu năm đến nay đã hoàn thành (10), mong ông làm cho bài ký. Công đức to lớn này thật không thể nghĩ bàn, nếu có báo ứng thì cũng như vậy.

Khi mới xem ngày [khởi công], sư Đức Phụ mộng thấy hơn một nghìn người tụ hợp ở đỉnh núi, trong đó có ba vị quý nhân tướng mạo khác thường, nói với mọi người rằng: "Các người nên biết xây tháp là một việc vô cùng tốt đẹp trong Tam đồ". Đến ngày bắt tay vào việc, sư Đức Uyên lại mộng thấy ngài Trúc Lâm Phổ Tuệ tôn giả (11) kết ấn giữ cho tháp yên vững. Khi các sư Đức Tịnh, Đức Minh trong khi làm bậc đá đi vào cửa tháp, bỗng một tảng đá lớn rơi xuống, người cùng đá lẫn trong tiếng đá rơi xuống đến mấy chục mét. Mọi người trông thấy đều kinh hãi bỏ chạy, cho rằng nát vụn hết cả. Đến khi rơi tới đất, đỡ dậy thì không bị tổn thương chỗ nào. Tháp xây xong bốn tầng, ban đêm tỏa ánh hào quang, xa gần đều trông thấy rõ. Tất cả những việc ấy, là đều nhờ sức thần thông của đức Phật ta vậy.

Ta cũng nghe nói: *"Xưa, vua A Dục (12) sai quỷ thần xây bốn vạn tám nghìn ngôi tháp, người đến chiêm ngưỡng đều như chính mắt được trông thấy Phật. Đầu trượng khắc hình tháp cũng có thể trừ được yêu khí, giúp vượt qua biển đến chốn Phù đồ (13), hoặc trong chốc lát mà ẩn trong mây mù. Việc đó chẳng phải là quái đản, xưa đến nay đều có ghi chép. Xin khắc vào bia đá, để truyền lại làm tin cho đời sau. Mãi mãi nhờ nơi cảnh chùa, làm bến làm cầu cứu độ chúng sinh. Như vậy chẳng đáng nên sao?".*

Ta nghe nói: "Đức Thích Ca lấy Tam không (15) để chứng đạo. Sau khi Phật tịch diệt, ít người phụng thờ giáo lý của Phật. Đất thiên hạ năm phần, riêng chùa chiền (16) chiếm một phần. Như đàncá bơi, như đàn tằm bò (17). Như thế nếu không đi vào con đường yêu quái, gian tà thì cũng thật hiếm. Làm những việc ác ấy, thực là tội lỗi thay. Tuy nhiên, sư [Trí Nhu] vốn là thị giả của đức Phổ Tuệ, thấu hiểu điều tinh tuý của phái Trúc Lâm, thân tu khổ hạnh, noi theo ba điều (18), từ bàn tay không mà nên nghiệp lớn. Nghĩ đến việc sư rẽ chân mây, xếp từng hòn đá, từ tấc mà thành thước, từ thước mà thành nhận, tiến từng bước từng bước, một tầng cao thêm một tầng, cho đến lúc cao sừng sững. Thế tháp dựa vào trời xanh, tô thêm vẻ đẹp của non sông, như tranh công cùng muôn vật. Há kẻ sư tăng tầm thường có thể cùng bàn luận?



Hình ảnh thác bản bài văn bia

Than ôi! Về sau mấy trăm năm nữa, thấm thoắt cảnh vật biến diệt, nếu lại có kẻ như ta buông lời cảm khái, lẽ nào không có vài người như sư Trí Nhu, sao có thể không như vậy được. Bằng như non xanh nước biếc, sông in bóng tháp, bóng chiều cùng chiếc thuyền phiêu du. Trong nhà cỏ ngạo nghễ, gõ mạn thuyền hát khúc Thương lang (19). Học theo Tử Lăng (20) tìm chút gió mát, bắt chước Đào Chu (21) hẹn cũ nơi Ngũ hồ (22). Cảnh này tình này, duy chỉ ta với sông này núi này mới hiểu được.

Mùa hè năm Quý Mùi, niên hiệu Thiệu Phong thứ 3 (1343).

Nhập nội hành khiển Tả ty Thị lang kiêm chức Lạng Châu (23) lộ Kinh lược sứ kẻ lánh đời Trương Hán Siêu tự là Thăng Phủ viết.

Thủ tịch Thư hỏa Dũng thủ Phạm Hàm viết chữ.

2.2 Ngự chế đề Dục Thúy sơn tịnh dẫn

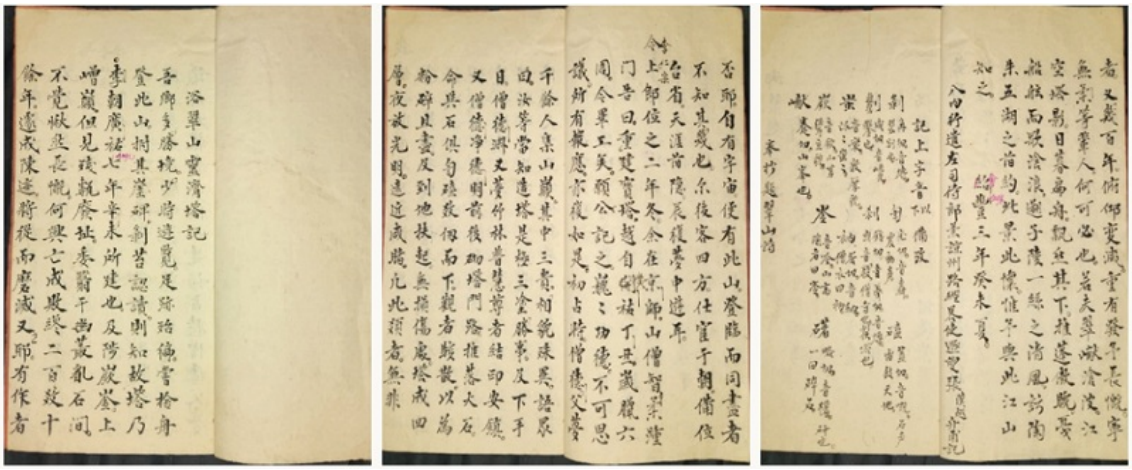
Ngự chế đề Dục Thúy sơn tịnh dẫn禦制題 浴翠山并引 hiện có các kí hiệu No257, No2814; No5657 đang lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, văn bia hiện vẫn còn trên núi.

Lê Hiến Tông (1498-1504) tên húy là Huy, con trưởng của Lê Thánh Tông, mẹ là Trường Lạc Thánh Từ Hoàng Thái hậu Nguyễn Thị Hằng, con gái thứ hai của Trình quốc công Đức Trung. Vua Hiến Tông sinh ngày 10 tháng 8 năm Tân Tỵ (1461). Ông ở ngôi được 6 năm, thọ 44 tuổi.

Ngày mồng Một tháng Giêng năm Cảnh Thống thứ 4 (1501), vua ngự về Tây Kinh, trên đường đi qua Ninh Bình và làm bài thơ này. Lê Hiến Tông có 3 lần về

Lam Kinh, đó là vào tháng 3 năm Mậu Ngọ (1498), đưa quan tài Lê Thánh Tông về an táng ở Lam Kinh; tháng Giêng năm Tân Dậu (1501); tháng 4 năm Giáp Tý.

Bài thơ đề năm Cảnh Thống thứ 4 (1501) với bút hiệu là Thượng Dương động chủ (上陽洞 主), trong lần Lê Hiến Tông về bái yết Lam Kinh lần thứ hai.



Hình ảnh văn bản chép tay bài văn bia

Đối chiếu văn bản chép tay với thác bản có một số vấn đề như sau:

- Văn bia và bản chép tay có sự khác nhau ở một vài điểm, cụ thể trong bảng dưới đây:

STT	Chữ chế bản	Chữ trên văn bia	Chữ trên bản chép tay
1	偶	忽/ 忽生	偶/ 偶生
2	約	Bị mất chữ / □	約/ 隱約
3		上陽洞主題	Không chép
4		中書監正字臣吳寧奉寫	Không chép

- Thác bản văn bia khắc chữ hốt 忽, bản chép tay viết chữ ngẫu 偶

- Thác bản văn bia bị mất chữ, bản chép tay viết chữ ước 約

- Thác bản văn bia khắc Thượng Dương động chủ đề

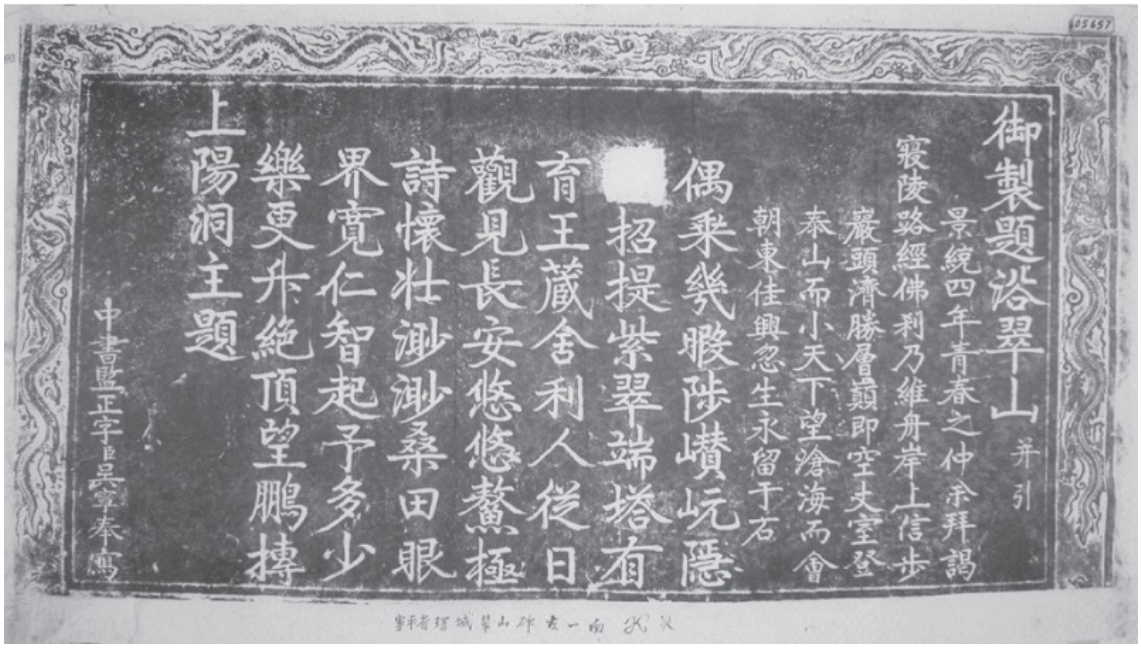
Nguyên văn chữ Hán: 御製題浴翠山并引景統四年青春之仲□ 余拜謁寢陵□ 路經佛剎□ 乃維舟岸上□ 信步 巖頭□ 濟勝層巔即空丈室□ 登泰山而小天下□ 望滄海而會朝東□ 佳興偶生□ 永留于石□ 偶乘幾暇陟巑岏□ 隱約招提紫翠端□ 塔有育王藏舍利□ 人從日觀見長安□ 悠悠鰲極詩懷壯□ 渺渺桑田眼界寬□ 仁智起予多少樂□ 更升絕頂望鵬摶□ 上陽洞主題 中書監正字臣吳寧奉寫

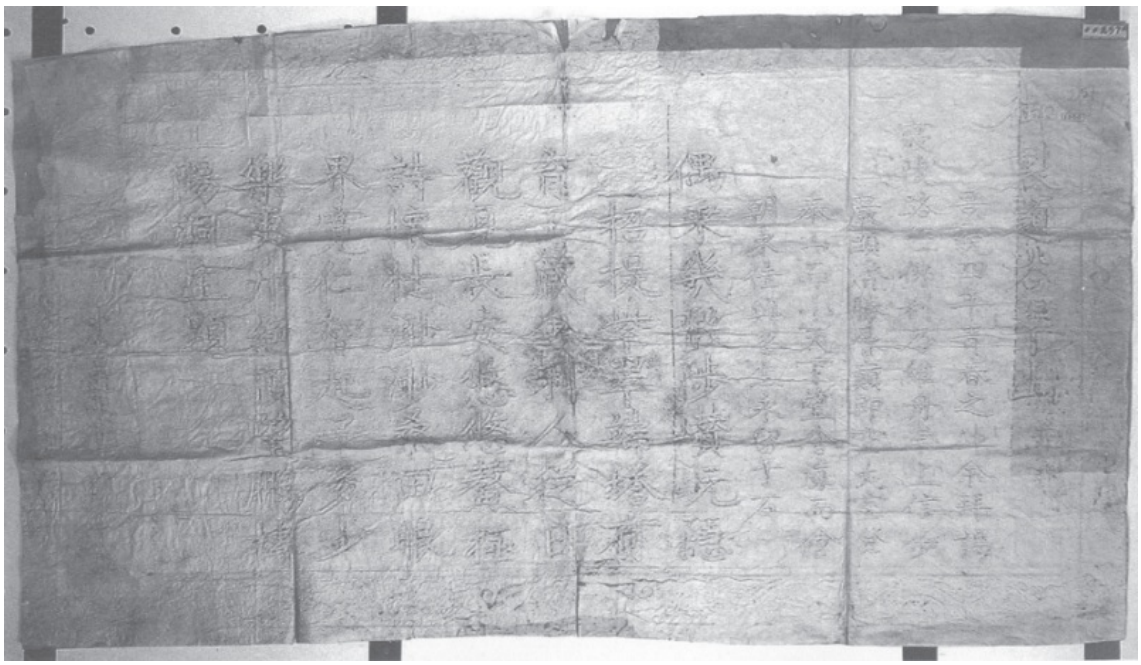
Dịch nghĩa:

Ngự chế đề thơ núi Dục Thúy và lời dẫn

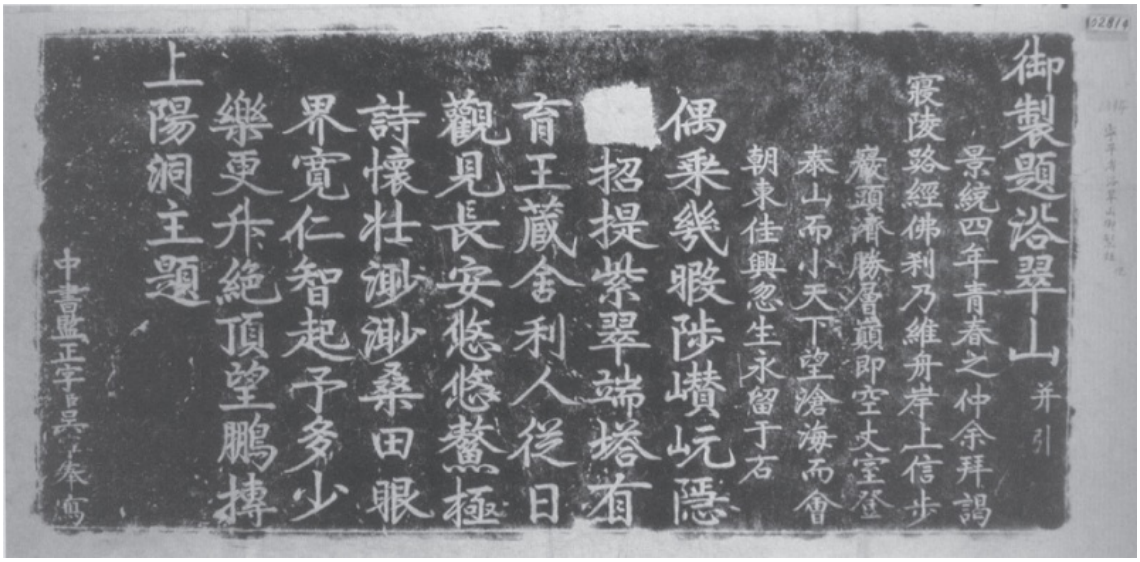
Mùa xuân (tháng 2), niên hiệu Cảnh Thống thứ 4 (1500), trên đường ta đi bái yết lăng tẩm (24) trở về, qua nơi xá lợi Phật (25), liền neo thuyền bên sông, chèo lên chỗ đỉnh cao nhất, phóng tầm mắt nhìn ra khoảng không, như trèo lên núi Thái Sơn (26) thấy thiên hạ là nhỏ, nhìn biển khơi chảy về hướng đông trông biển xanh thấy nhìn khắp biển lớn xanh biếc chảy về đông, bỗng có hứng đề thơ vào đá lưu lại mãi:

Thừa khi nhàn rỗi trèo lên đỉnh núi chon von, Vạch rêu lớp rêu xanh tía ẩn vào núi đá.





Thêm văn bản chép tay về thơ văn chữ Hán núi Non Nước
https://tapchinghiencuuphathoc.vn/them-van-ban-chep-tay-ve-tho-van-chu-han-nui-non-nuoc.html

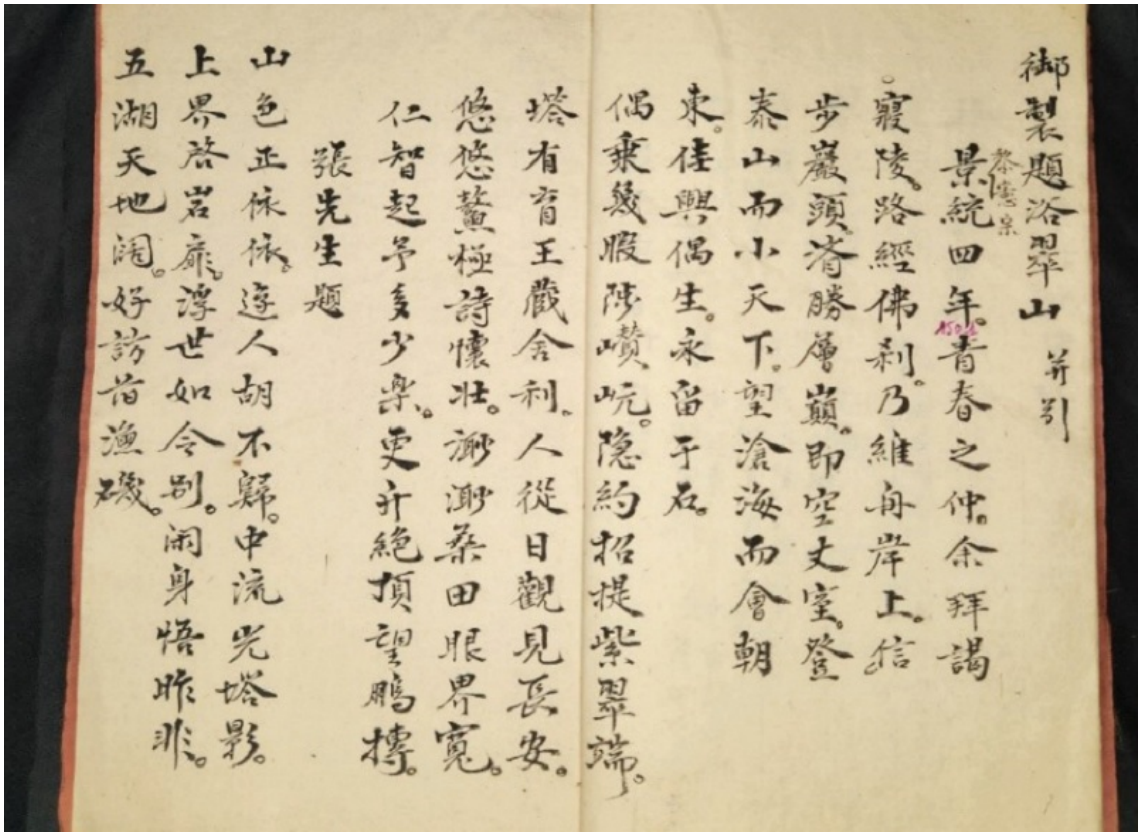


Hình ảnh các thác bản có kí hiệu khác nhau bia Ngự chế đề Dục Thúy sơn tịnh dẫn

Trong tháp có chứa xá lị của Dục Vương (27) Phải leo lên đài Nhật quán (28) mới thấy cả Trường Yên (29).

Dằng dặc nơi Ngao cực (30) ý thơ hoành tráng, Man mác nương dâu ngút tầm mắt.

Nhân trí (31) của ta ít nhiều cũng có được niềm vui, Càng lên đỉnh cao sẽ thấy được cánh chim bằng (32).



Hình ảnh bản chép tay bài Ngự chế đề Dục Thúy sơn tịnh dẫn

Thêm văn bản chép tay về thơ văn chữ Hán núi Non Nước
https://tapchinghiencuuphathoc.vn/them-van-ban-chep-tay-ve-tho-van-chu-han-nui-non-nuoc.html

Thượng Dương động chủ (33) đề thơ Trung thư chính tự, thần là Ngô Ninh vâng viết chữ.

2.3 Bài thơ Dục Thúy sơn Trương tiên sinh đề

Văn bản chép tay bài thơ của Trương Hán Siêu có 8 câu thơ, bài thơ không đặt tiêu đề. Trong thơ văn Lý Trần đặt tên bài thơ này là Dục Thúy sơn.

山色正依依 (34),

遊人胡不歸.

中流光塔影,

上界啟岩扉.

浮世如今別,

閑身悟昨非.

五湖天地闊,

好訪旧魚磯.

Nghĩa là:

Sơn sắc y như vậy,

Du nhân sao chẳng về?

Giữa dòng lồng bóng tháp,

Trên cõi hé then huê.

Phù thế như nay biệt,

Nhàn thân tỉnh trước mê.

Năm hồ trời đất rộng,

Sẵn có bến câu kia.

3. Tạm kết



Chùa Non Nước, Ninh Bình - Ảnh: S

Mặc dù văn bản chép tay ba văn bản tư liệu khắc trên núi Non Nước ở Ninh Bình chỉ là một phần rất nhỏ trong khối tư liệu Hán Nôm. Văn bản này mặc dù còn có những chỗ chép thiếu, chép chữ giản thể, không chép theo nguyên gốc. Tuy vậy, đây cũng là một văn bản có thể giúp cho người đọc có cái nhìn mới về cách người xưa đọc áng văn cổ. Văn bản cung cấp được một chữ bị mất trong bài thơ Ngự chế đề Dục Thúy sơn tịnh dẫn, đây cũng là một đóng góp của văn bản chép tay.

Tìm kiếm, khai thác, bảo tồn các tư liệu Hán Nôm liên quan đến Núi Non nước ngoài việc thực hiện tốt việc khai thác, nghiên cứu bảo tồn nguyên trạng các tư liệu hiện còn trên thực tế, còn phải tìm kiếm thêm các nguồn tư liệu khác, đặc biệt là các tư liệu viết tay, sao chép có niên đại từ xưa.

Tác giả: **Vũ Ngọc Định - Phạm Ngọc Phương Thủy - Ts Nguyễn Huy Khuyến**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 11/2025

Chú thích:

(1) Là tên kiêng húy của Nguyên tổ Trần Lý, sách Đại Việt sử ký toàn thư ghi: "Vì Nguyên tổ tên húy là Lý 李 mới đổi triều Lý làm triều Nguyễn vả lại cũng để

dứt bỏ lòng mong nhớ của dân chúng đối với nhà Lý. ĐVSKTT - BK, Quyển 5, trang 163, bản dịch của Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam, 1993.

(2) Không viết theo tị húy như trong văn bản gốc

(3) Đoạn văn bản chép tay thiếu: 鼓惑眾生*cổ vũ hoặc chỉ làm mê hoặc chúng sinh.*

(4) Đoạn văn bản chép tay thiếu: 廢絕彝倫, 虛費財寶*làm cho hư nát đạo thường, hao phí tiền của.*

(5) Vì Nguyên tổ tên húy là Lý, mới đổi triều Lý làm triều Nguyễn, vả lại cũng để dứt bỏ lòng mong nhớ của dân chúng đối với nhà Lý.

(6) Ý là nhận chức quan ở địa phương.

(7) Tức năm thứ 2 đời Trần Dụ Tông (1342).

(8) Theo văn bia Hiển Diệu tháp bi chùa Kim Cương núi Long Tiên, nay thuộc thôn Áng Sơn, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình cho biết: Sư người Hoàng Châu phủ Trường An, họ Phạm, lúc xuất gia có hiệu là Trí Nhu. Khi còn nhỏ tuổi, vào núi theo học Đệ nhị tổ Pháp Loa tôn giả. Pháp Loa thấy là người có đức hạnh nên lấy pháp khí mà ban cho rồi mệnh cho đến Ngũ Mai đường ở chùa Quỳnh Lâm để trông giữ xá lị Phật Thích Ca. Đến khi Tôn giả Pháp Loa sắp viên tịch, mới gọi Trí Nhu mà nói phó chúc rằng: "Ta muốn tạo tháp để phong giữ xá lị mà còn chưa thực hiện được, ngươi nên tác thành việc đó". Trí Nhu là đệ tử đắc pháp của Pháp Loa. Văn bia tháp Thanh Mai Viên thông cho biết: Sau khi Pháp Loa viên tịch, Trí Nhu cũng đi về nam, đi qua Phúc Thành (Trường An), lên núi Sơn Thủy rồi xây dựng lại tháp (Linh Tế) trong 6 năm. Cũng theo văn bia Hiển Diệu tháp bi cho biết: Ngày 3 tháng 1 năm Nhâm Dần (1362), Trí Nhu quy tây, các đệ tử như Đức Chính mới cung thỉnh nhà vua đến cúng lễ. Vua Minh Tông ban hiệu cho Trí Nhu là Chiêu Tín thượng nhân, Thích hiệu là Thích Ẩn Ngu thiền nhân.

(9) Tức năm 1337 đời vua Trần Hiến Tông

(10) Tức tháp hoàn thành năm 1342.

(11) Tức Pháp Loa tôn giả. Năm 1318, thượng hoàng Anh Tông xuống chiếu, thỉnh Pháp Loa về am Thường Lạc ở Thiên Trường giảng sách Truyền Đăng Lục. Đến tháng 12, ông lại giảng sách Tuyết Đậu Ngữ Lục. Sau khi nghe giảng, thượng hoàng đích thân viết 4 chữ Phổ Tuệ tôn giả trao cho ông.

(12) A Dục vương là vị vua thứ ba của vương triều Maurya thời Ấn Độ xưa, trị vì từ năm 273 - 232 trước Tây Lịch. Tương truyền, ông đã cho xây dựng đầu tiên là A Dục Vương Viên tự tại thủ đô và kiến lập 84.000 ngôi tháp xá lợi khắp trong nước. Bên cạnh đó, ông còn chuyên tâm làm Phật sự, cho nên Phật Giáo đã nhất thời đi đến hưng thịnh tột đỉnh của nó. Chính nhờ vị vua này mà Phật Giáo cũng đã được lan truyền sang các quốc gia lân cận tại Ấn Độ. Phía Tây Bắc từ địa phương Gandhāra đến Girisha, rồi thông qua vùng trung ương Châu Á và đến tận Trung Quốc. Về phương Nam, Phật giáo cũng được truyền sang Tích Lan (Sri Lanka), và nơi đây đã trở thành nguyên lưu của Phật giáo Pāli (Nam Truyền Phật Giáo) của các nước phương Nam. Nhờ có A Dục Vương, Phật giáo Ấn Độ đã phát triển rất mạnh, cho nên trong lịch sử Phật giáo ông đã trở thành người có công lao cống hiến và ủng hộ đắc lực nhất.

(13) Hay còn gọi là Phật đồ: chỉ cho chùa Phật, tháp Phật.

(14) Nguyên dịch từ chữ Hằng thức: chỉ cho sự chứa chất lòng cứu độ chúng sinh.

(15) Gồm: 1) Ngã không. 2) Pháp không. 3) Câu không: Tất cả đều không

(16) Dịch từ chữ Tăng sát: chỗ sư tăng ở, tức chùa chiền.

(17) Ý nói không người dẫn dắt.

(18) Cũng gọi Tam thanh tịnh. Chỉ cho diệu hạnh của thân, ngữ và ý, đó là: 1. Thân diệu hạnh: Chỉ cho tất cả thân nghiệp thiện như gia hạnh, căn bản, hậu đắc... 2. Ngữ diệu hạnh: Cũng là tất cả ngữ nghiệp thiện gia hạnh, căn bản, hậu đắc... 3. Ý diệu hạnh: Chỉ cho tất cả sự suy nghĩ lương thiện.

(19) Tên con sông nơi Khuất Nguyên trong bài Ngư phủ có câu hát rằng "Thương Lang chi thuỷ thanh hề, khả dĩ trạc ngã anh; Thương Lang chi thuỷ trọc hề, khả dĩ trạc ngã túc" (Nước sông Thương Lang mà trong, có thể giặt được giải mũ của ta; Nước sông Thương Lang mà đục, có thể rửa được chân ta).

(20) Tên tự Nghiêm Quang, người đời Đông Hán, lúc nhỏ cùng du học với vua Hán Quang Vũ, khi vua Quang Vũ lên ngôi, ông đổi họ tên đi ẩn, không chịu nhận quan chức của nhà vua.

(21) Phạm Lãi người đời Xuân Thu sau khi giúp Việt vương Câu Tiễn diệt Ngô xong, không làm quan mà đi chu du ở Ngũ hồ, xưng là Đào Chu công.

(22) Gồm Thái hồ ở Hồ châu, Xạ dương hồ ở Sở châu, Thanh thảo hồ ở Nhạc châu, Đan dương hồ ở Nhuận châu và Cung đình hồ ở Hồng châu.

Thêm văn bản chép tay về thơ văn chữ Hán núi Non Nước
https://tapchinghiencuuphathoc.vn/them-van-ban-chep-tay-ve-tho-van-chu-han-nui-non-nuoc.html

(23) Châu Lạng, tức Lạng Sơn ngày nay.

(24) Khu lăng tẩm nhà Lê ở Lam Sơn, Thanh Hóa.

(25) Tức tháp Linh Tế trên núi Dục Thúy, xây vào năm Tân Mùi, niên hiệu Quảng Hựu thứ 7 (1091)

(26) Tức A Dục vương là cháu của Đại vương Thiên- đà - quật - đa khoảng năm 321 trước Công nguyên, sáng lập ra vương triều Khổng Tước ở Ấn Độ. Câu này ý nói trong tháp có chứa xá lị của nhà Phật.

(27) Tên một ông vua ở Ấn Độ vô cùng tàn ác, sau được Phật giáo hóa trở nên từ bi, đã cho xây nhiều ngôi tháp trong nước và truyền Phật giáo ra nước ngoài.

(28) Trạm trên núi Thái Sơn (Trung Quốc) để đo bóng mặt trời.

(29) Phủ Trường Yên, nói có Kinh đô của nhà Đinh và Tiền Lê.

(30) Theo sách Hoài Nam tử, đây là một trong 4 ngọn núi của Nữ Oa dùng để trống trời.

(31) Câu này được dẫn nghĩa từ theo sách Luận ngữ "trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn" người có lòng nhân thích núi, người có trí tuệ thích nước.

(32) Là một loài chim to nhất.

(33) Tức vua Lê Hiến Tông (1461-1504) là con trưởng của Lê Thánh Tông và Trường Lạc Thái hậu, ở ngôi 7 năm thọ 44 tuổi, đặt niên hiệu là Cảnh Thống.

(34) Thơ văn Lý-Trần ghi đầu đề là Dục Thuý sơn 浴翠山

Tài liệu tham khảo:

1] Tư liệu văn bản chép tay tại chùa Hòe Nhai, Hà Nội.

2] Viện Văn học (1977), Thơ văn Lý Trần, Nxb Khoa học Xã hội.

3] Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin (2005) Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3.

4] Đại Việt sử ký toàn thư, bản dịch (1993), Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam.